



# GIỚI THIỆU VIETINBANK

Quý III/2019

# Nội dung chính

1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng
2. Thông tin chung về VietinBank
3. Điểm nhấn đầu tư
4. Chiến lược kinh doanh
5. Kết quả hoạt động
6. Phụ lục

# 1. Tổng quan kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

- ❖ Tổng sản phẩm quốc nội - GDP
- ❖ Chỉ số giá tiêu dùng - CPI
- ❖ Chỉ số quản lý sức mua - PMI
- ❖ Xuất nhập khẩu
- ❖ Đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI
- ❖ Ngành ngân hàng Việt Nam

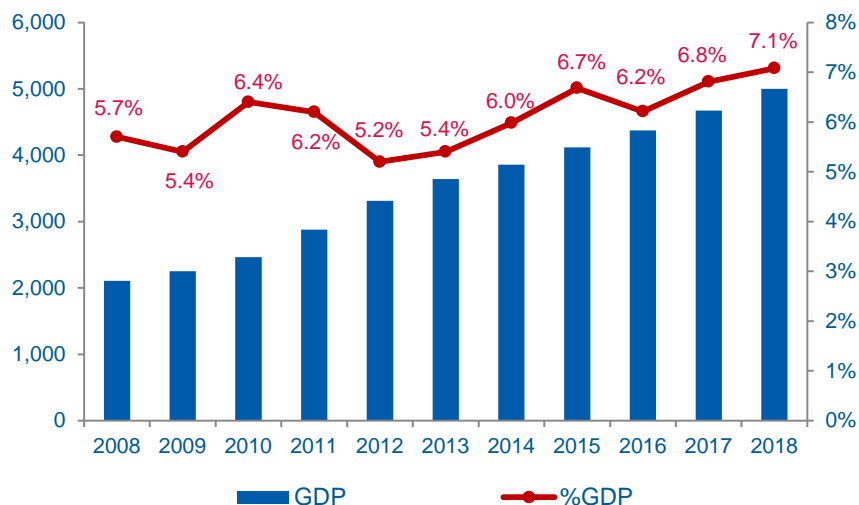
# 1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

## Tổng sản phẩm quốc nội - GDP

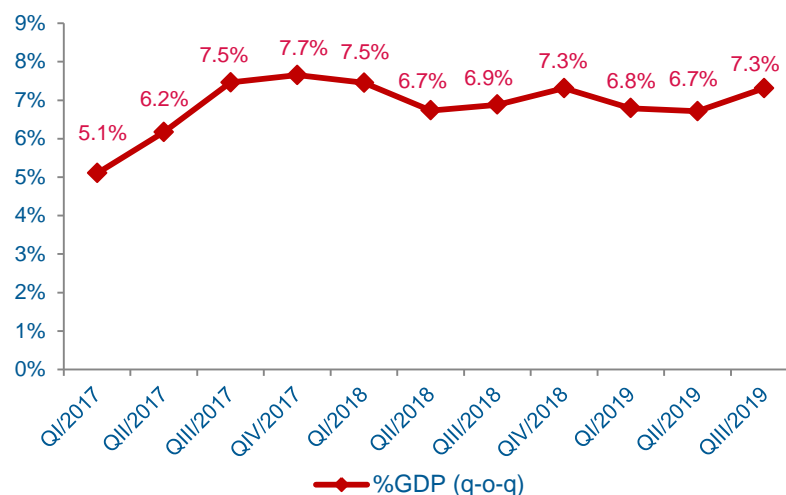
### Tăng trưởng GDP 9T2019 đạt mức cao nhất trong 9 năm trở lại đây

- ❖ Kinh tế 9T2019 tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng cũng đối mặt không ít khó khăn, thách thức: thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn khi dịch tả lợn châu Phi lây lan trên diện rộng; nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản không thuận lợi về thị trường và giá xuất khẩu; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.
- ❖ GDP Quý III/2019 tăng 7,31% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 6,82% của Quý I/2019 và 6,73% của Quý II/2019; thấp hơn mức tăng 7,38% của Quý III/2017 nhưng cao hơn mức tăng của Quý III các năm khác trong giai đoạn 2012-2018.
- ❖ GDP 9T2019 tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong 9 năm trở lại đây.
- ❖ Mục tiêu tăng GDP năm 2019 do Chính phủ đặt ra từ 6,6 - 6,8%.

Tăng trưởng GDP 2008-2018 (nghìn tỷ đồng)



Tăng trưởng GDP theo quý (2017-2019)



Nguồn: Tổng cục thống kê

# 1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

## Chỉ số giá tiêu dùng - CPI

### CPI Quý III/2019 tăng so với quý trước và cùng kỳ năm 2018

❖ CPI tháng 9/2019 tăng 0,32% so với tháng trước.

❖ CPI Quý III/2019 tăng 0,48% so với quý trước và tăng 2,23% so với Quý III/2018.

❖ CPI bình quân 9T2019 tăng 2,5% so với bình quân cùng kỳ năm 2018; CPI tháng 9/2019 tăng 2,2% so với tháng 12/2018 và tăng 1,98% so với cùng kỳ năm 2018.

❖ Lạm phát cơ bản tháng 9/2019 tăng 0,16% so với tháng trước và tăng 1,96% so với cùng kỳ năm 2018. Lạm phát cơ bản bình quân 9T2019 tăng 1,91% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

#### Các yếu tố làm tăng CPI 9T2019:

- ❖ Giá điện sinh hoạt tăng;
- ❖ Giá dịch vụ y tế tăng;
- ❖ Một số địa phương điều chỉnh tăng học phí trong năm học mới;

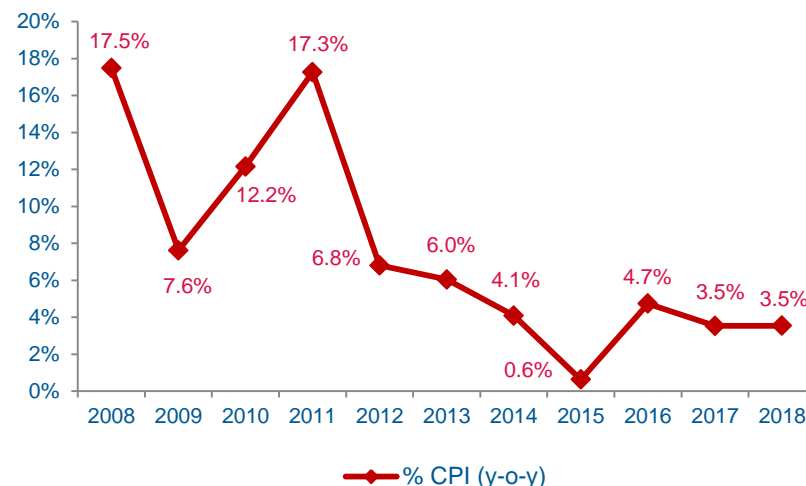
❖ Giá các mặt hàng thực phẩm (thịt lợn), dịch vụ giao thông công cộng, du lịch trọn gói, đồ uống, thuốc lá, quần áo may sẵn, vật liệu bảo dưỡng nhà ở, văn phòng phẩm tăng;

❖ Giá các mặt hàng thiết yếu trên thế giới như nhiên liệu, chất đốt, sắt thép tăng trở lại.

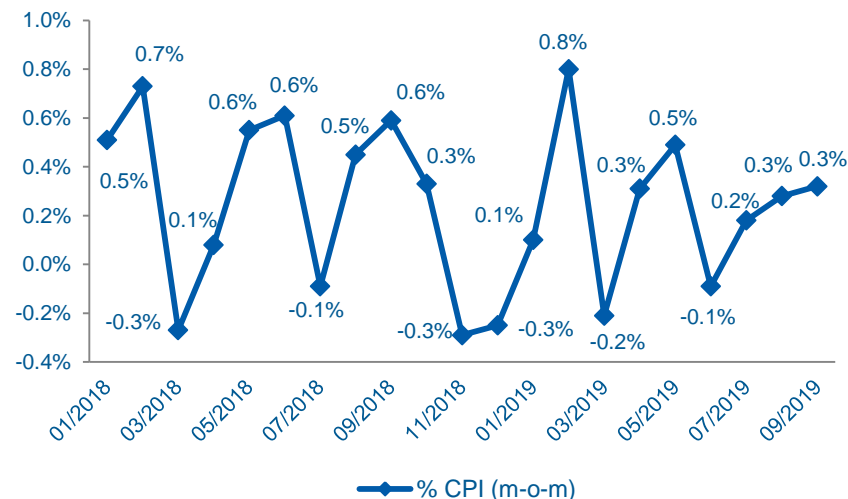
#### Các yếu tố góp phần kiềm chế CPI 9T2019:

- ❖ Giá xăng dầu giảm;
- ❖ TP.HCM điều chỉnh giảm mức thu học phí.

Tăng trưởng CPI 2008-2018



Tăng trưởng CPI theo tháng (2018-2019)



Nguồn: Tổng cục thống kê

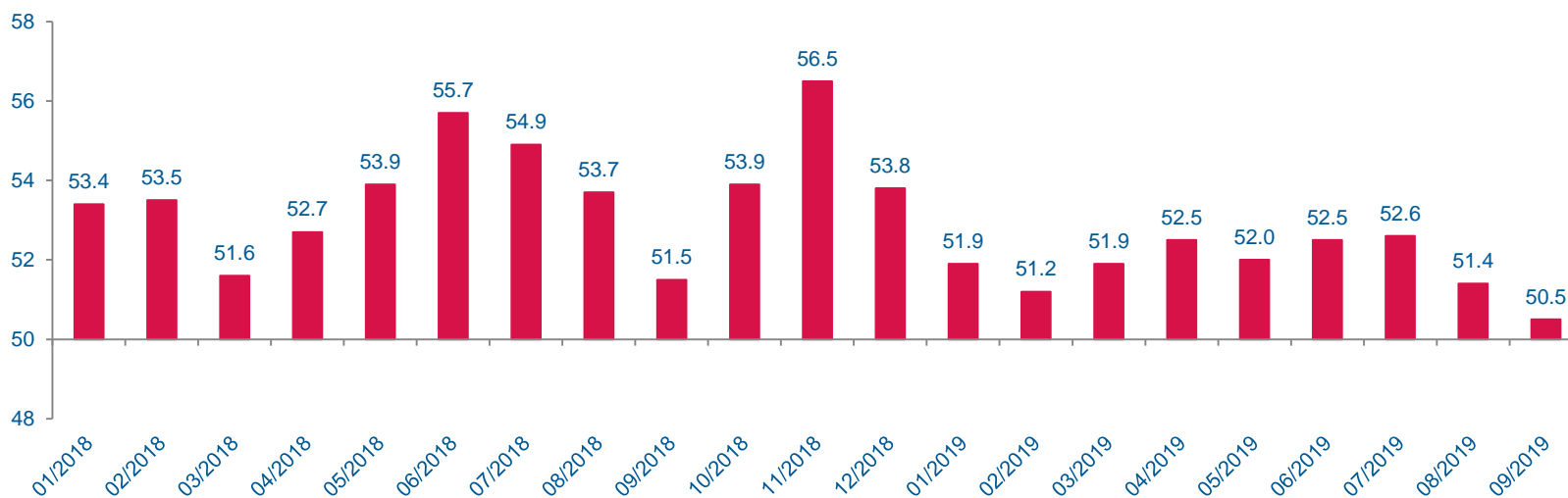
# 1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

## Chỉ số quản lý sức mua - PMI

### Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam giảm tháng thứ hai liên tiếp trong Quý III/2019

- ❖ Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tháng 9/2019 giảm tháng thứ hai liên tiếp, đạt 50,5 điểm (giảm 0,9 điểm so với tháng 8/2019), cho thấy các điều kiện kinh doanh chỉ cải thiện nhẹ và mức cải thiện là yếu nhất kể từ tháng 2/2016.
- ❖ Số lượng đơn đặt hàng mới tăng chậm lại vào cuối Quý III/2019, là mức tăng yếu nhất kể từ tháng 8/2016. Nhu cầu khách hàng đã yếu đi. Đây cũng là tình trạng trên các thị trường quốc tế khi số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng chậm hơn.
- ❖ Số lượng đơn đặt hàng mới tăng yếu hơn dẫn đến sản lượng giảm nhẹ, là lần giảm đầu tiên kể từ tháng 11/2017.
- ❖ Số lượng nhân công cũng đã giảm vào cuối Quý III/2019, từ đó kết thúc thời kỳ tăng việc làm kéo dài ba tháng.

Chỉ số quản lý sức mua (PMI) giai đoạn 2018-2019



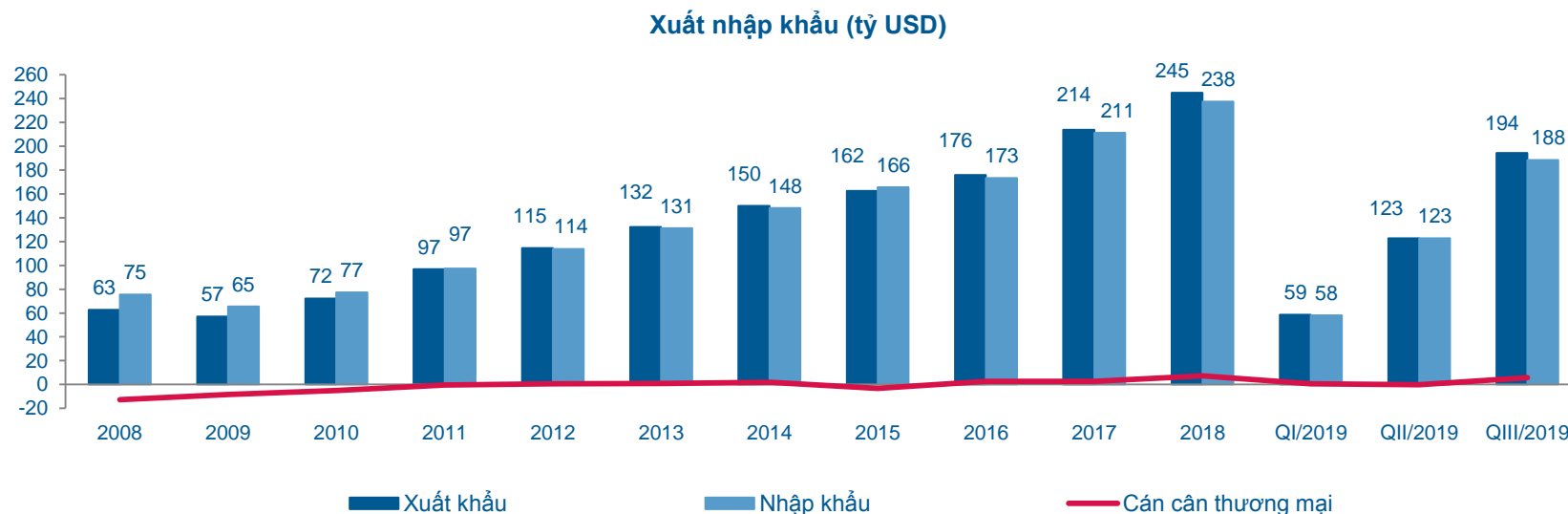
Nguồn: Tổng cục thống kê

# 1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

## Xuất nhập khẩu

**Cán cân thương mại 9T2019 đạt mức thặng dư cao nhất từ trước đến nay**

- ❖ Kim ngạch xuất khẩu 9T2019: 194,3 tỷ USD (tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2018)
  - Khu vực trong nước: 59,57 tỷ USD (tăng 16,4%);
  - Khu vực FDI: 134,73 tỷ USD (tăng 5,0%).
- ❖ Kim ngạch nhập khẩu 9T2019: 188,42 tỷ USD (tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2018)
  - Khu vực trong nước: 78,97 tỷ USD (tăng 14,0%);
  - Khu vực FDI: 109,45 tỷ USD (tăng 5,5%).
- ❖ Cán cân thương mại 9T2019: Xuất siêu 5,88 tỷ USD
  - Khu vực trong nước: Nhập siêu 19,4 tỷ USD;
  - Khu vực FDI: Xuất siêu 25,28 tỷ USD.



*Nguồn: Tổng cục thống kê*



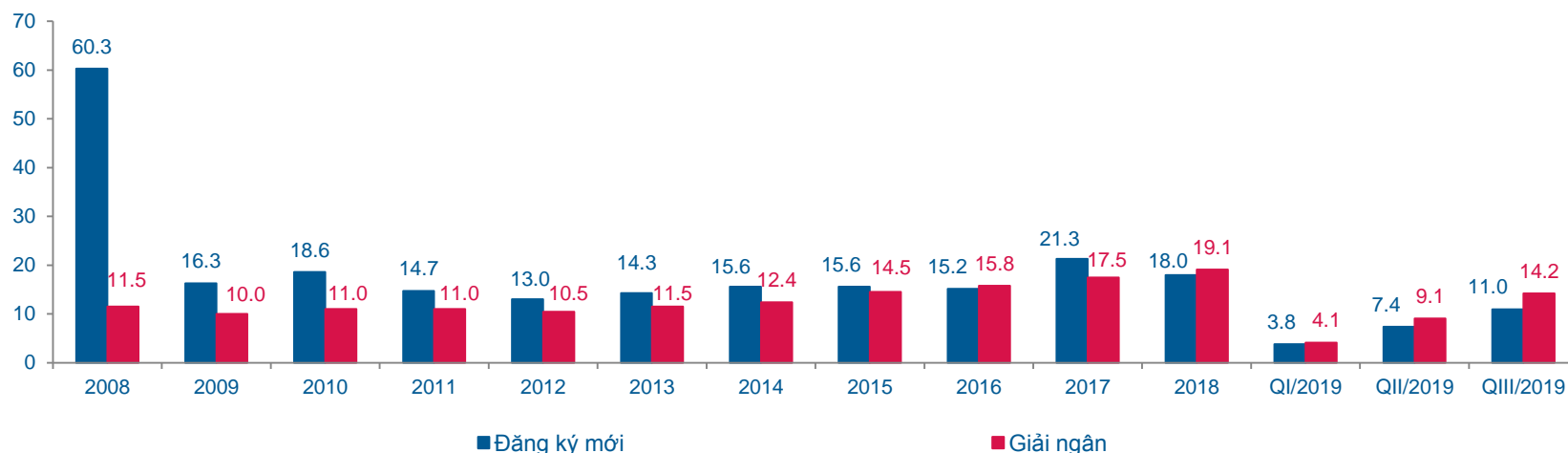
# 1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

## Đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI

### FDI tiếp tục khởi sắc trong Quý III/2019

- ❖ Tính đến 20/9/2019, FDI thu hút 2.759 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 10,97 tỷ USD, tăng 26,4% về số dự án và giảm 22,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018.
- ❖ Có 1.037 dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 4,79 tỷ USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 9T2019 đạt 15,76 tỷ USD, giảm 19,9% so với cùng kỳ năm 2018.
- ❖ Có 6.502 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 10,4 tỷ USD, tăng 82,3% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó có 1.348 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 6,34 tỷ USD và 5.154 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 4,06 tỷ USD.
- ❖ Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 9T2019 đạt 14,2 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2018.

FDI đăng ký mới và giải ngân (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục thống kê



# 1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

## Ngành ngân hàng Việt Nam

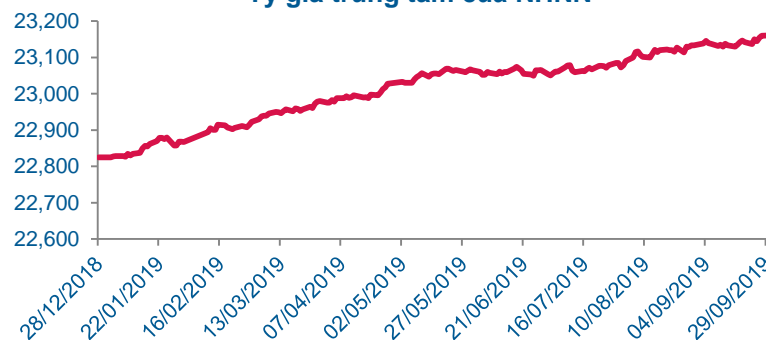
### Tỷ giá tương đối ổn định

- ❖ Trên thị trường ngoại tệ, tỷ giá tương đối ổn định, diễn biến linh hoạt phù hợp với sự thay đổi của điều kiện thị trường; thanh khoản thị trường được đảm bảo, các giao dịch ngoại tệ diễn ra thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời. NHNN mua ròng ngoại tệ, bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước.
- ❖ Tỷ giá ổn định do dự trữ ngoại hối đang ở mức cao nhất từ trước đến nay (khoảng 71 tỷ USD), cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu mạnh, dòng vốn đầu tư nước ngoài đang diễn biến thuận lợi.
- ❖ Tính đến 30/9/2019, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng 336 điểm (+1,47%) so với cuối năm 2018 lên mức 23.161 VND/USD.

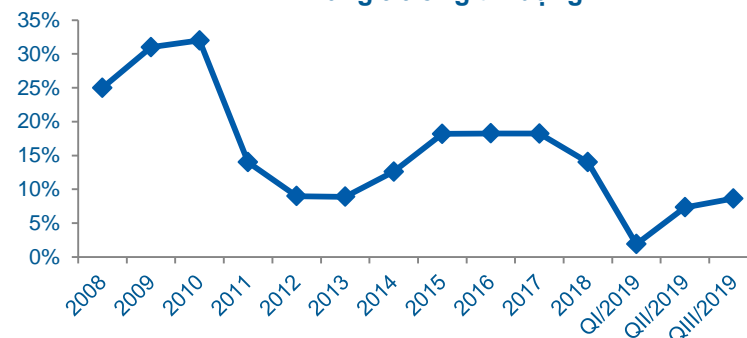
### Thanh khoản đảm bảo, lãi suất huy động tăng nhẹ

- ❖ Tổng phương tiện thanh toán tăng 8,58% so với cuối năm 2018 (tại 24/9/2019).
- ❖ Tín dụng tăng 8,64% so với cuối năm 2018 (tại 24/9/2019).
- ❖ Huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 8,68% so với cuối năm 2018 (tại 20/9/2019).
- ❖ Lãi suất huy động ở một số ngân hàng tăng nhẹ, chủ yếu ở kỳ trung và dài hạn nhằm đảm bảo sự cân đối kỳ hạn và giới hạn an toàn vốn trong hoạt động ngân hàng. Hiện mặt bằng lãi suất huy động VNĐ phổ biến ở mức 4,5-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,5-6,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,6-7,5%/năm.
- ❖ Lãi suất cho vay VNĐ phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn và 9-11%/năm đối với trung và dài hạn.

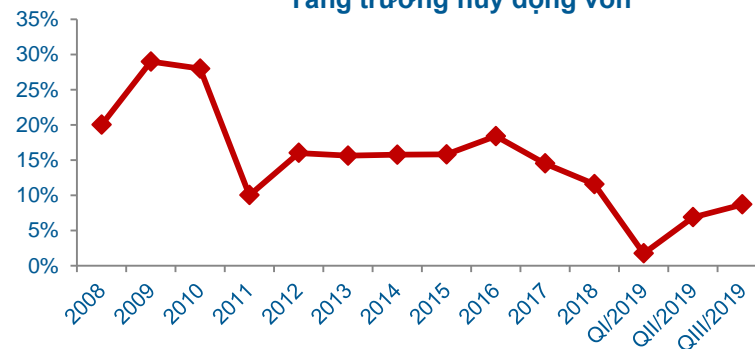
Tỷ giá trung tâm của NHNN



Tăng trưởng tín dụng



Tăng trưởng huy động vốn



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

## 2. Thông tin chung về VietinBank

- ❖ **Tổng quan về VietinBank**
- ❖ **Cơ cấu quản trị**
- ❖ **Cơ cấu hoạt động**

## 2. Thông tin chung về VietinBank

### Tổng quan về VietinBank

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) là ngân hàng hàng đầu của hệ thống ngân hàng Việt Nam, cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế.



1988

2008

2009

2011

2012

2017

2018

Thành lập sau khi tách ra từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng thành công và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (1 năm sau đó).

Chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (viết tắt là VietinBank).

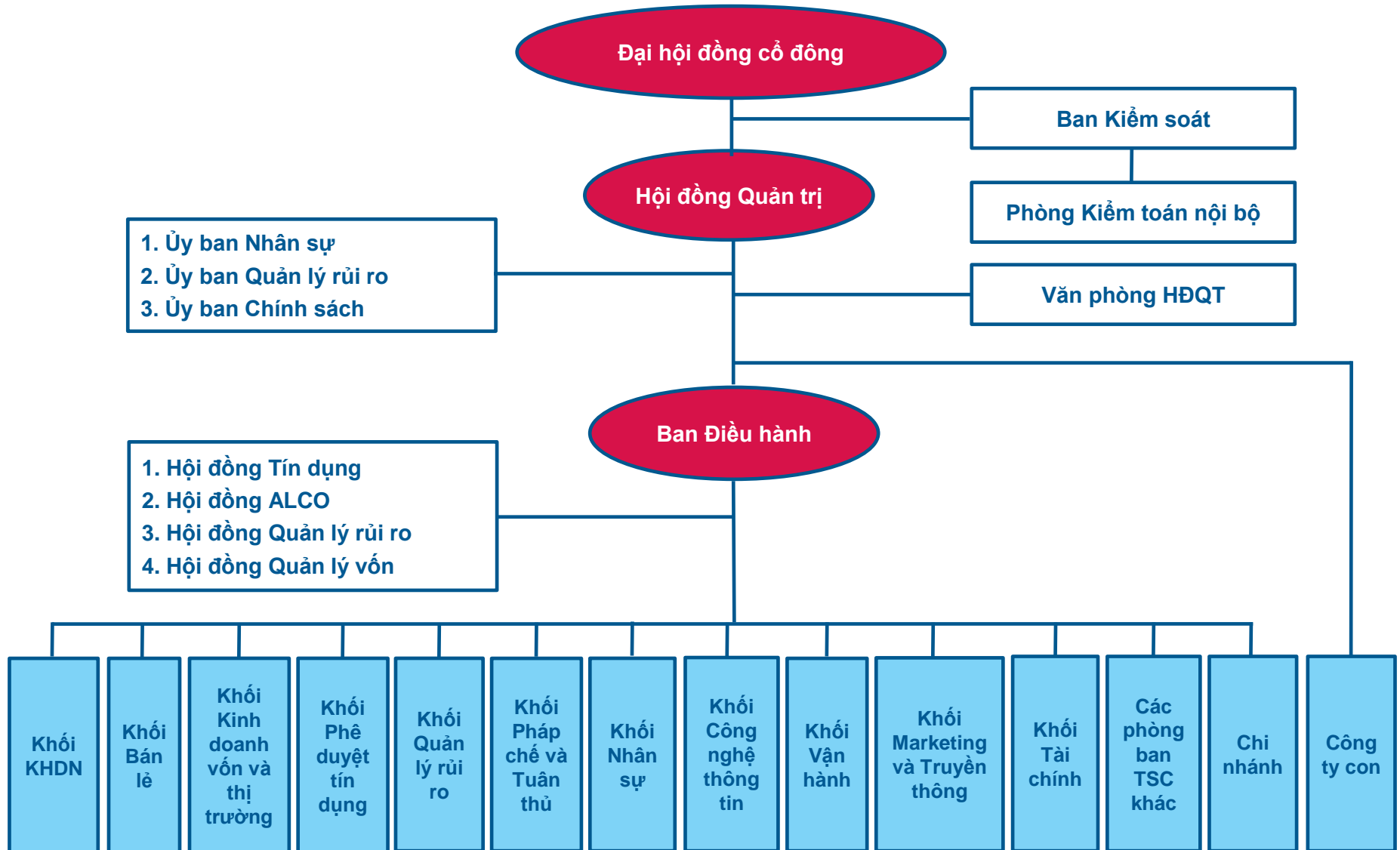
IFC chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của VietinBank, sở hữu 10% vốn điều lệ của VietinBank.

BTMU (nay là MUFG Bank) chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài thứ hai của VietinBank, sở hữu 19,73% vốn điều lệ của VietinBank.

Chuyển đổi Core Banking thành công. Nhận giải thưởng “Dự án ngân hàng lõi tốt nhất” của The Asian Banker.

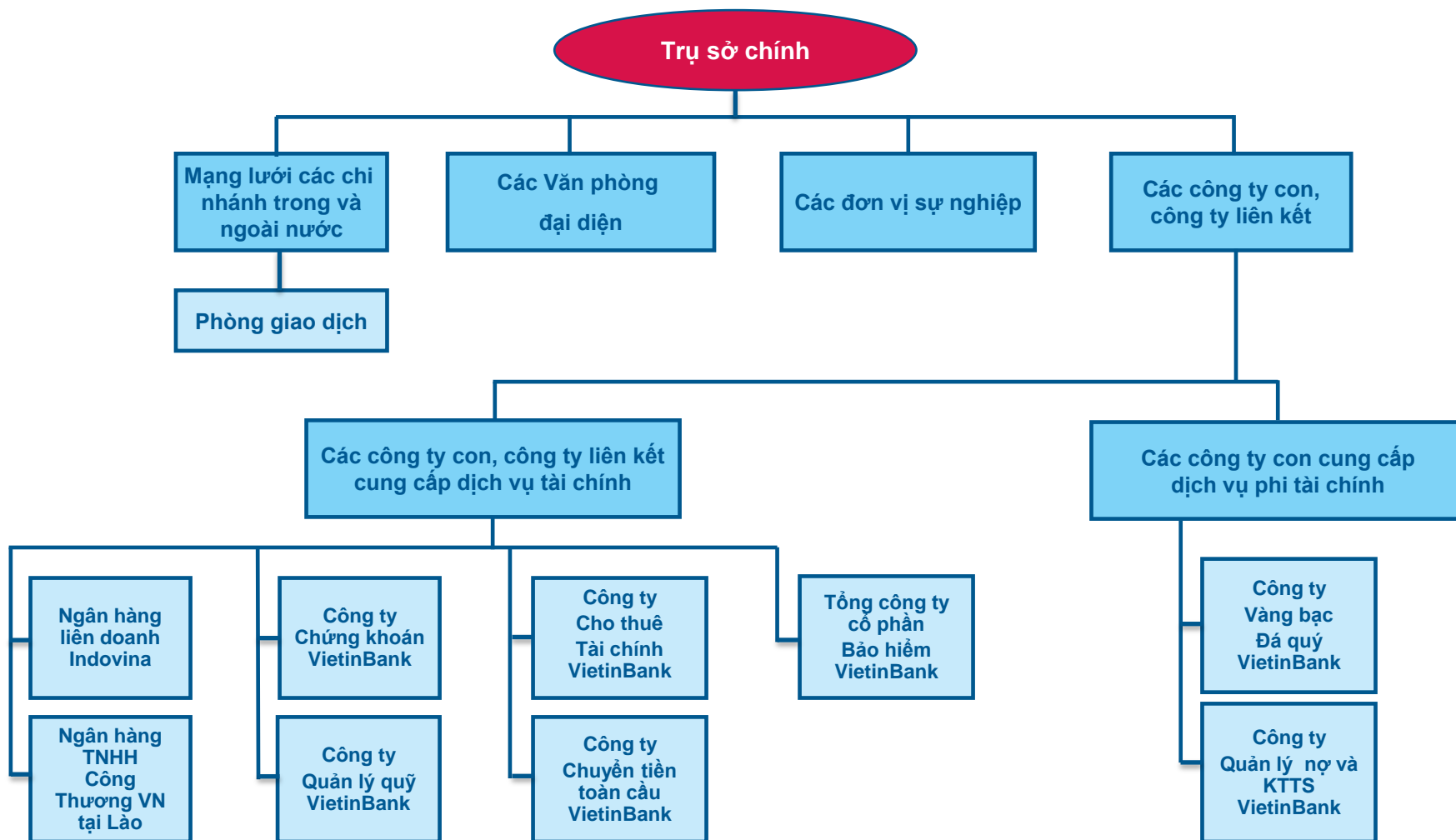
❖ Đánh dấu chặng đường 30 năm xây dựng và phát triển của VietinBank.  
❖ Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu được NHNN phê duyệt

## 2. Thông tin chung về VietinBank Cơ cấu quản trị hợp lý



## 2. Thông tin chung về VietinBank

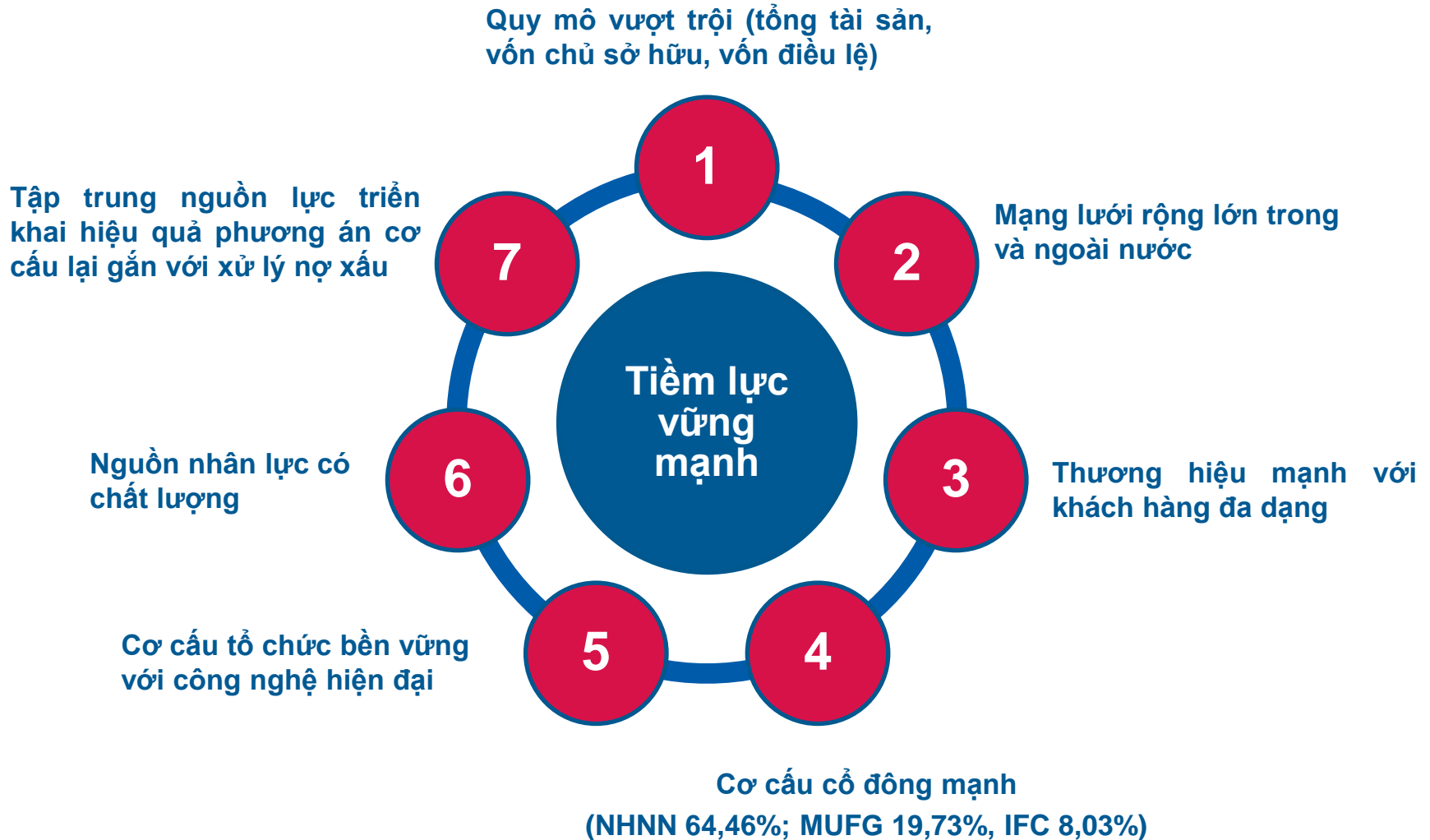
### Cơ cấu hoạt động vững mạnh



# 3. Điểm nhấn đầu tư

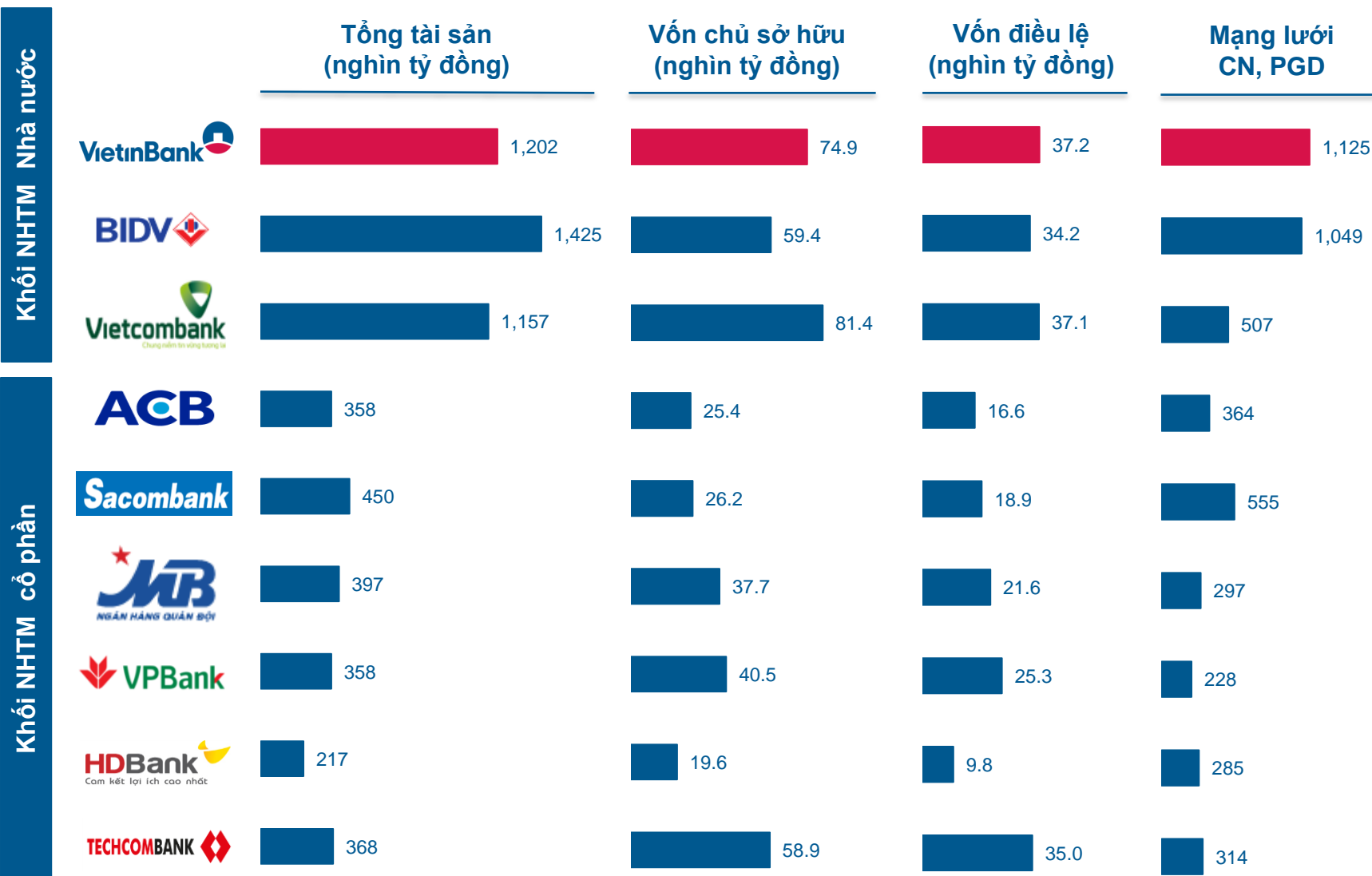
- ❖ **Vốn điều lệ, tổng nguồn vốn và tổng tài sản**
- ❖ **Mạng lưới hoạt động**
- ❖ **Thương hiệu và cơ sở khách hàng**
- ❖ **Cơ cấu cổ đông mạnh**
- ❖ **Quản trị doanh nghiệp và nhân sự**

### 3. Điểm nhấn đầu tư



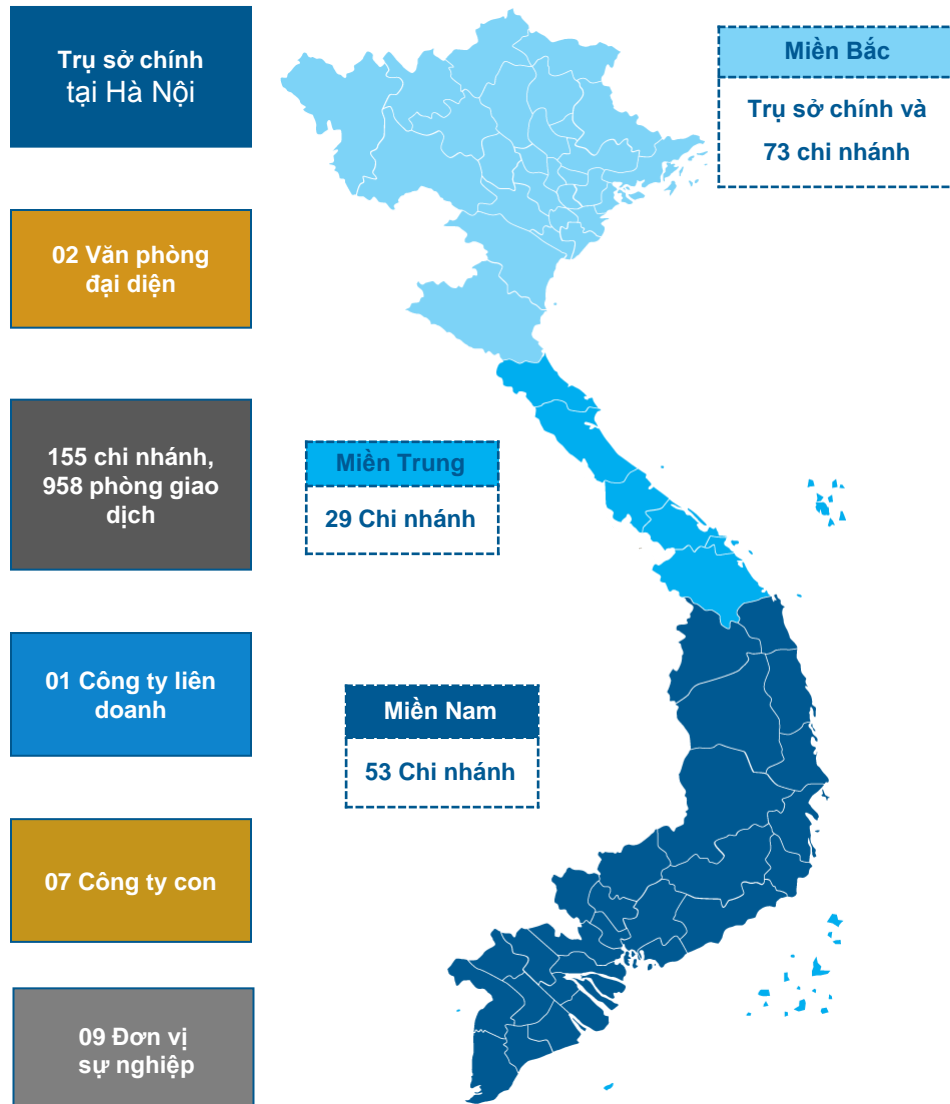


### 3. Điểm nhấn đầu tư Quy mô vượt trội



Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III/2019

### 3. Điểm nhấn đầu tư Mạng lưới rộng khắp



#### Mạng lưới trong nước:

- ❖ Trụ sở chính tại Hà Nội
- ❖ 02 Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và TP.HCM
- ❖ 155 Chi nhánh, 958 Phòng giao dịch trải dài khắp các tỉnh, thành trên cả nước
- ❖ 09 Đơn vị sự nghiệp
- ❖ 07 Công ty con (bảo hiểm, chứng khoán, cho thuê tài chính, quản lý quỹ, quản lý tài sản, vàng bạc đá quý, chuyển tiền toàn cầu)
- ❖ 01 Công ty liên doanh (Ngân hàng Indovina)
- ❖ Gần 2.000 máy ATM

#### Mạng lưới quốc tế:

- ❖ 01 Chi nhánh tại Frankfurt, CHLB Đức
- ❖ 01 Chi nhánh tại Berlin, CHLB Đức
- ❖ 01 Ngân hàng con tại Lào
- ❖ 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar

**VietinBank có quan hệ đại lý với hơn 1.000 ngân hàng ở trên 90 quốc gia trên thế giới**

### 3. Điểm nhấn đầu tư

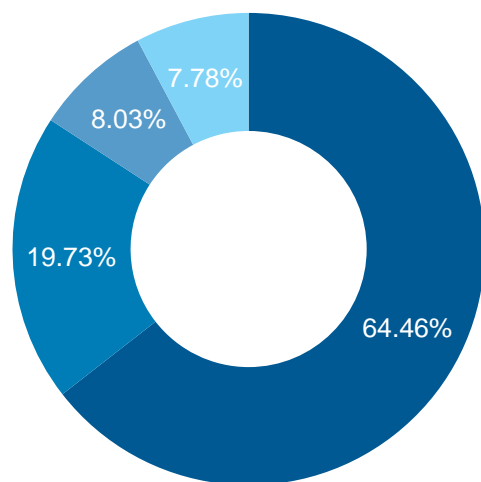
#### Nền tảng khách hàng đa dạng và vững chắc

VietinBank đã thiết lập mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, lâu dài với các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và ngày càng mở rộng quan hệ với khách hàng SMEs, FDI và cá nhân.



### 3. Điểm nhận đầu tư Cơ cấu cổ đông mạnh

#### Cơ cấu cổ đông



- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- MUFG
- IFC
- Cổ đông khác

#### Hỗ trợ của cổ đông lớn

##### Cổ đông lớn



Ngân hàng Nhà nước



MUFG



IFC

##### Hỗ trợ

- ❖ Nắm giữ 64,46% cổ phần trong VietinBank, cổ phần nắm giữ của Chính phủ sẽ không dưới 51% vào bất cứ thời điểm nào.
- ❖ Phần lớn các thành viên trong HĐQT được chỉ định bởi Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.
- ❖ MUFG ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ các lĩnh vực:
  - Quản lý rủi ro, áp dụng BASEL II
  - Công nghệ thông tin
  - Ngân hàng đầu tư
  - Dịch vụ cho Khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.
  - Dịch vụ thu tiền mặt và các hoạt động liên quan.
- ❖ IFC ký hợp đồng hợp tác với VietinBank trong năm 2011. Theo cam kết, IFC sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho VietinBank trong các lĩnh vực sau:
  - Quản trị rủi ro
  - Dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
  - Tiết kiệm hiệu quả năng lượng
  - Công nghệ thông tin

### 3. Điểm nhấn đầu tư Ban Lãnh đạo

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông  
Lê Đức Thọ  
Chủ tịch HĐQT



Ông  
Trần Minh Bình  
TV HĐQT



Ông  
Trần Văn Tấn  
TV HĐQT



Bà  
Trần Thu Huyền  
TV HĐQT



Ông  
Nguyễn Thế Huân  
TV HĐQT



Bà  
Phạm Thị Thanh Hoài  
TV HĐQT



Ông  
Hiroshi Yamaguchi  
TV HĐQT



Ông  
Hideaki Takase  
TV HĐQT

#### BAN ĐIỀU HÀNH



Ông  
Trần Minh Bình  
TGD



Bà  
Nguyễn Hồng Vân  
Phó TGD



Bà  
Lê Như Hoa  
Phó TGD



Ông  
Nguyễn Hoàng Dũng  
Phó TGD



Ông  
Nguyễn Đức Thành  
Phó TGD



Ông  
Trần Công Quỳnh Lâm  
Phó TGD



Ông  
Nguyễn Đình Vinh  
Phó TGD



Ông  
Hiroshi Yamaguchi  
Phó TGD



Ông  
Nguyễn Hải Hưng  
Kế toán trưởng

#### BAN KIỂM SOÁT



Bà  
Lê Anh Hà  
Trưởng BKS



Bà  
Nguyễn Thị Anh Thư  
TV BKS



Ông  
Nguyễn Mạnh Toàn  
TV BKS

# 4. Chiến lược kinh doanh

- ❖ Tâm nhìn và mục tiêu chiến lược
- ❖ Các mục tiêu kế hoạch năm 2019

## 4. Chiến lược kinh doanh

### Tâm nhìn và chiến lược

#### Tâm nhìn

Ngân hàng dẫn đầu Việt Nam, ngang tầm khu vực, hiện đại, đa năng, theo chuẩn quốc tế.

#### Mục tiêu

Ngân hàng thương mại có quy mô lớn với hiệu quả hoạt động tốt nhất hệ thống ngân hàng Việt Nam.

#### Chủ điểm chiến lược giai đoạn 2018-2020

- 1 Tăng trưởng quy mô bền vững
- 2 Chuyển dịch cơ cấu thu nhập
- 3 Phát triển hoạt động ngân hàng thanh toán
- 4 Nâng cao năng lực tài chính
- 5 Nâng cao năng suất lao động toàn hàng và quản trị chi phí hiệu quả



## 4. Chiến lược kinh doanh

### Các mục tiêu kế hoạch cụ thể năm 2019



Triển khai có kết quả các kế hoạch hoạt động tại phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 theo lộ trình đề ra



Cải thiện mạnh mẽ chất lượng dịch vụ. Phát triển đa dạng sản phẩm dịch vụ hiện đại, chuyển dịch cơ cấu thu nhập theo hướng tăng thu ngoài lãi



Kiến toàn mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực



Nâng cao năng lực tài chính, tăng vốn tự có



Đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, nợ xử lý rủi ro, nợ bán VAMC, nâng cao chất lượng tài sản



Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động và tỷ lệ CIR, hướng tới nâng cao năng suất lao động, kế hoạch hóa định biên lao động



Cải thiện mạnh mẽ hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý gắn với quản lý tốt chất lượng tăng trưởng. Cải thiện NIM, quản trị tốt chi phí vốn



Nâng cao vai trò quản trị rủi ro, bảo đảm sự tuân thủ, an toàn, phát triển kinh doanh gắn liền với tăng cường quản trị rủi ro



Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong mọi mặt hoạt động

# 5. Kết quả hoạt động

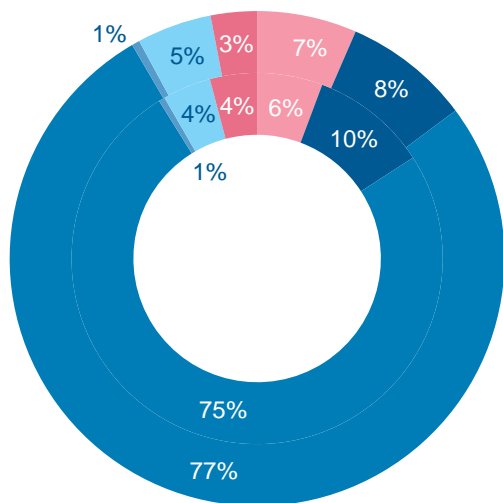
- ❖ Huy động vốn tăng trưởng ổn định
- ❖ Tăng trưởng tín dụng hiệu quả, kiểm soát chất lượng cho vay
- ❖ Danh mục đầu tư an toàn và đa dạng
- ❖ Kết quả kinh doanh của VietinBank

## 5. Kết quả hoạt động

### Huy động vốn tăng trưởng ổn định

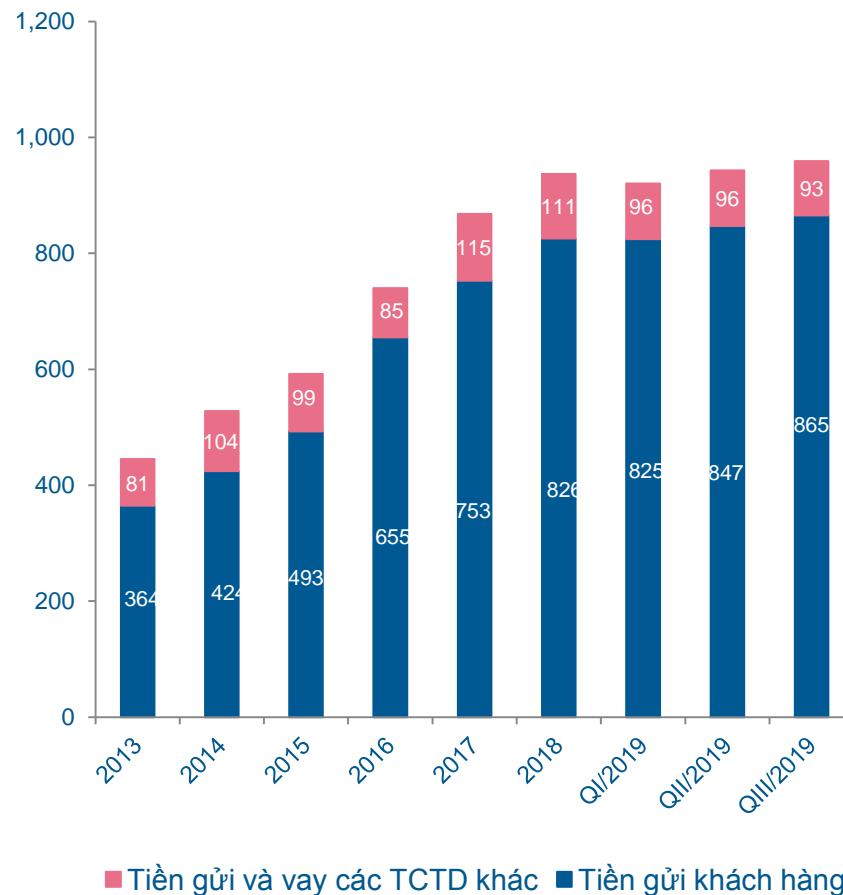
#### Cơ cấu huy động vốn

Vòng trong: Tại 31/12/2018: 1.097 nghìn tỷ đồng  
Vòng ngoài: Tại 30/09/2019: 1.127 nghìn tỷ đồng



- Vay Chính phủ và NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTC khác
- Tiền gửi khách hàng
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư
- Phát hành giấy tờ có giá
- Nguồn huy động khác

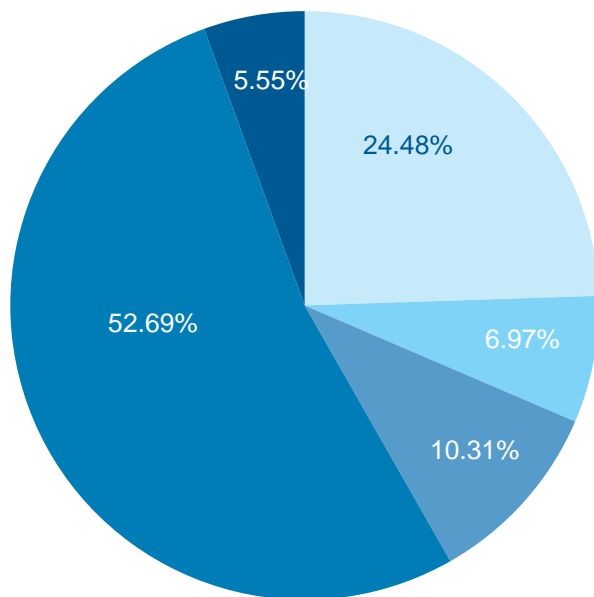
#### Tiền gửi khách hàng, tiền gửi và vay các TCTD khác (nghìn tỷ đồng)



## 5. Kết quả hoạt động

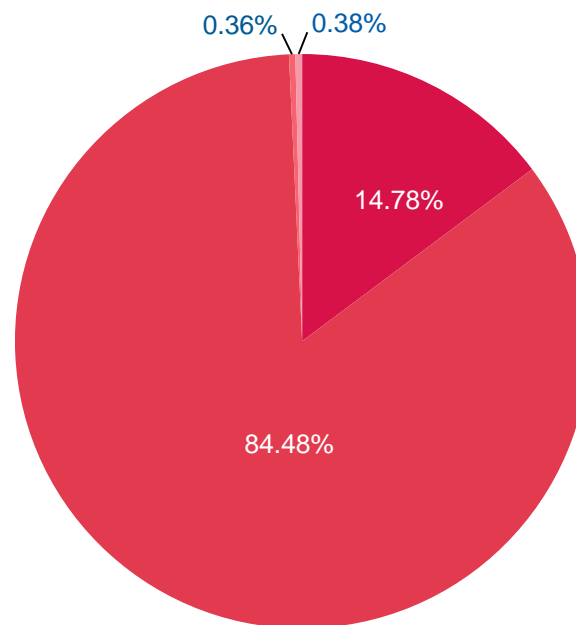
### Cơ cấu tiền gửi khách hàng

Cơ cấu tiền gửi theo loại hình doanh nghiệp  
(31/12/2018)



- DNNN (24,48%)
- DN FDI (6,97%)
- Doanh nghiệp khác (10,31%)
- Cá nhân (52,69%)
- Thành phần khác (5,55%)

Cơ cấu tiền gửi theo kỳ hạn  
(30/09/2019)

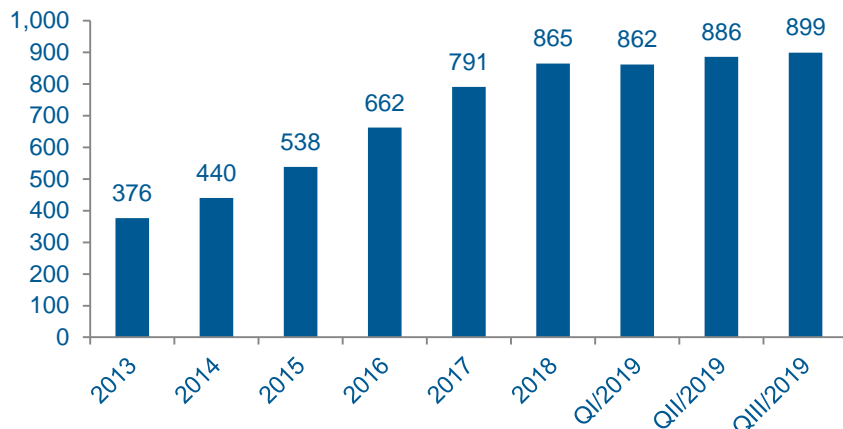


- Tiền gửi không kỳ hạn (14,78%)
- Tiền gửi có kỳ hạn (84,48%)
- Tiền gửi vốn chuyên dụng (0,36%)
- Tiền gửi ký quỹ (0,38%)

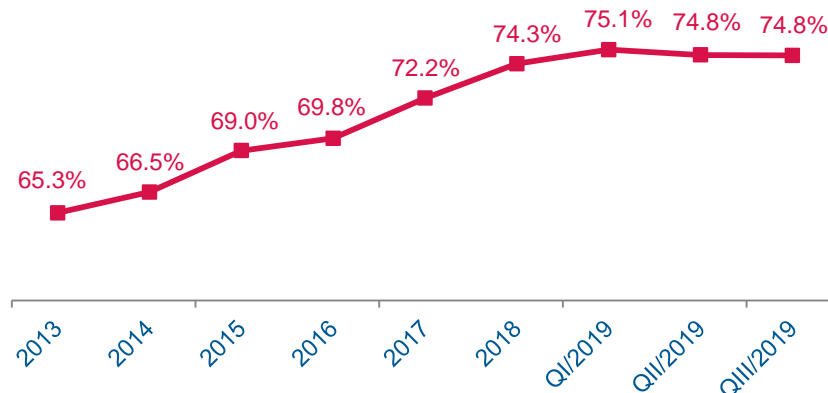
## 5. Kết quả hoạt động

### Tăng trưởng tín dụng hiệu quả, an toàn

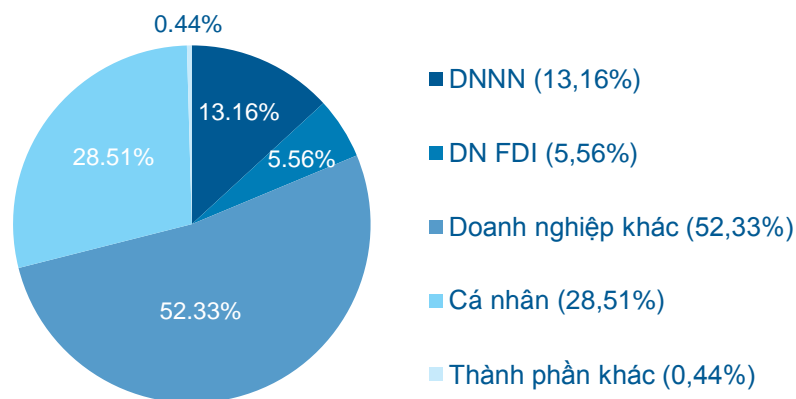
Cho vay khách hàng (nghìn tỷ đồng)



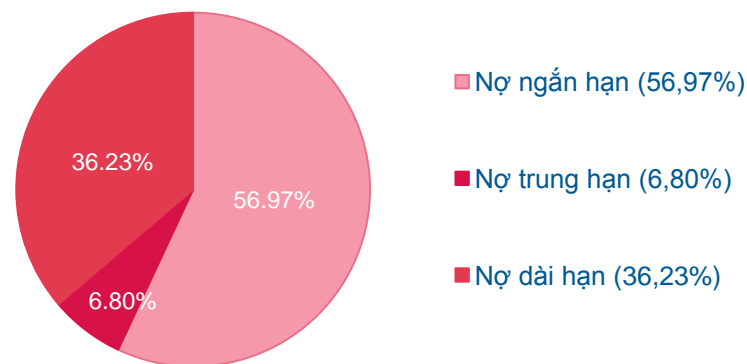
Cho vay/Tổng tài sản (LAR)



Cơ cấu cho vay theo loại hình doanh nghiệp (31/12/2018)



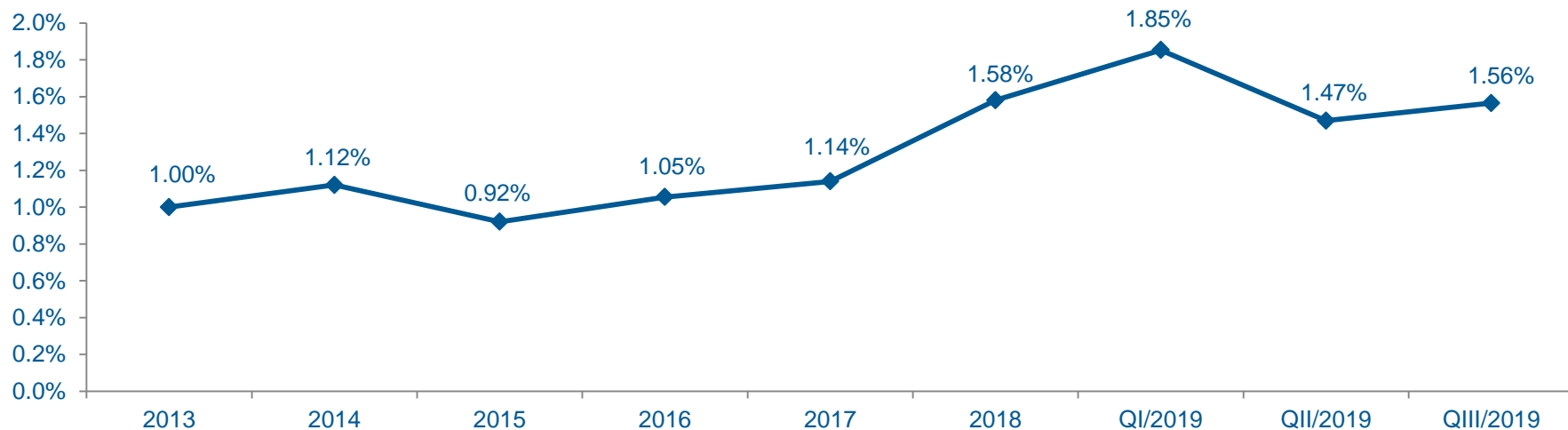
Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn (30/09/2019)



## 5. Kết quả hoạt động Kiểm soát chất lượng cho vay

Nhóm	2017		2018		QI/2019		QII/2019		QIII/2019	
	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%
<b>Nhóm 1</b> <i>Nợ đủ tiêu chuẩn</i>	778.050	98,40	846.025	97,81	840.560	97,56	865.120	97,69	877.135	97,56
<b>Nhóm 2</b> <i>Nợ cần chú ý</i>	3.627	0,46	5.210	0,61	5.068	0,59	7.406	0,84	7.856	0,87
<b>Nợ xấu</b>	9.011	1,14	13.691	1,58	15.962	1,85	13.010	1,47	14.066	1,56
<b>Tổng</b>	<b>790.688</b>	<b>100</b>	<b>864.926</b>	<b>100</b>	<b>861.590</b>	<b>100</b>	<b>885.535</b>	<b>100</b>	<b>899.056</b>	<b>100</b>

Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ cho vay khách hàng



## 5. Kết quả hoạt động Quản lý tốt chất lượng tài sản

### Hệ thống tín dụng phù hợp

- ❖ VietinBank có hệ thống tín dụng phù hợp, cho phép theo dõi các giới hạn cho vay và khẩu vị rủi ro tín dụng.
- ❖ Hệ thống tín dụng này của ngân hàng được truyền thông sâu rộng với phân cấp thẩm quyền và các kênh báo cáo rõ ràng.

### Thiết lập hạn mức tín dụng cho khách hàng, nhóm khách hàng, lĩnh vực

- ❖ Các khoản tín dụng được phân bổ phù hợp theo chủ thể kinh tế và ngành nghề kinh tế, đảm bảo đa dạng hóa danh mục tín dụng, giảm thiểu rủi ro tập trung.
- ❖ Chính sách tín dụng thiết lập hạn mức chặt chẽ đối với từng đối tượng.

### Phân loại tài sản có và đáp ứng các yêu cầu trích lập dự phòng một cách toàn diện

- ❖ Phân loại tài sản có toàn diện và chi tiết, xây dựng chính sách và yêu cầu trích lập dự phòng phù hợp với quy định và tiêu chuẩn quốc tế.
- ❖ Các quy tắc phân loại nói trên đã mang lại những kết quả tích cực trong việc đo lường các khoản nợ xấu.

### Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ

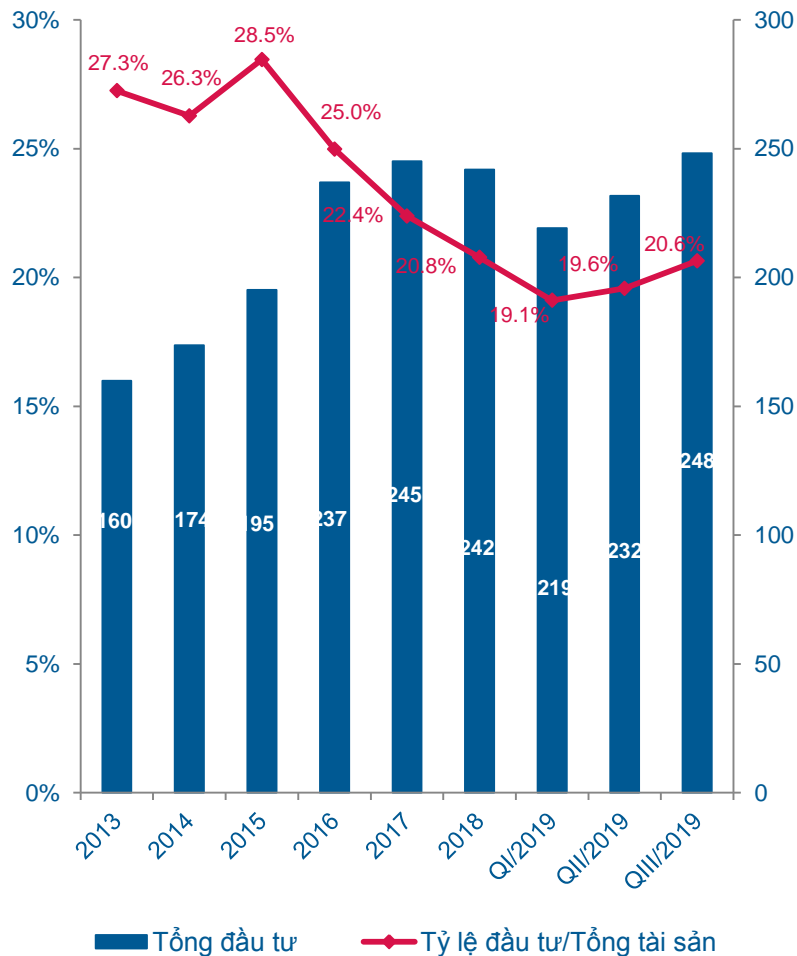
- ❖ Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ được áp dụng để tăng cường chất lượng quản lý tài sản trong bối cảnh nền kinh tế đang tăng trưởng.



## 5. Kết quả hoạt động

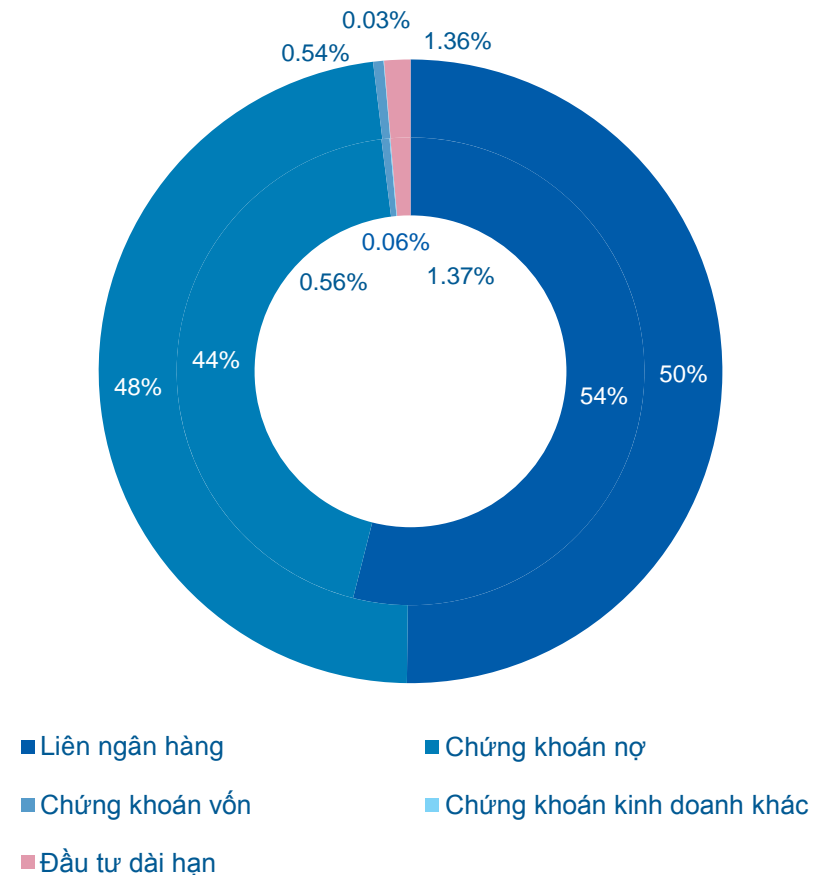
### Danh mục đầu tư chứng khoán an toàn và đa dạng

Danh mục đầu tư  
(nghìn tỷ đồng)



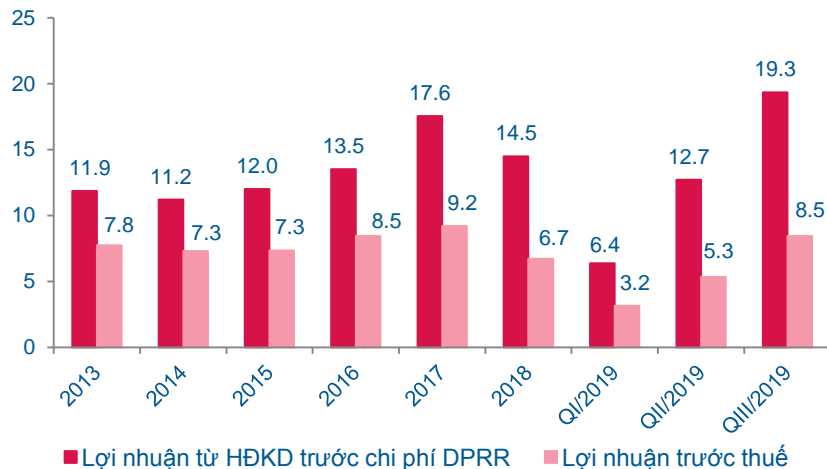
Danh mục đầu tư

Vòng trong: Tại 31/12/2018  
Vòng ngoài: Tại 30/09/2019

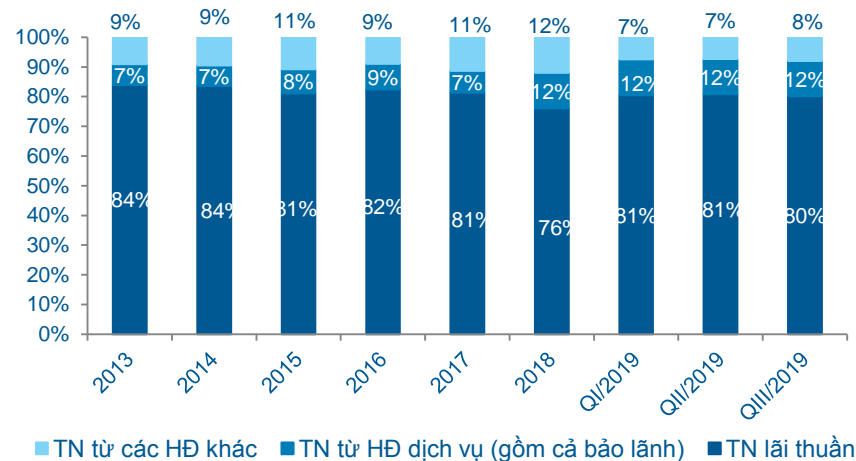


## 5. Kết quả hoạt động Kết quả kinh doanh

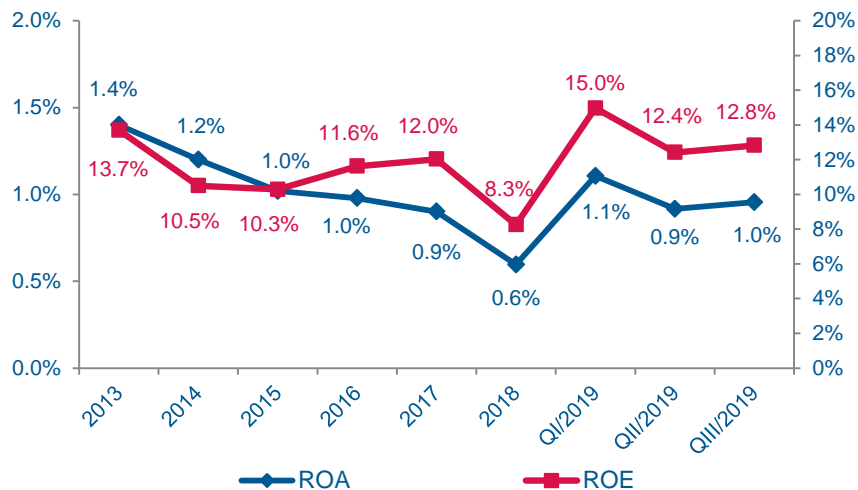
### Kết quả kinh doanh (nghìn tỷ đồng)



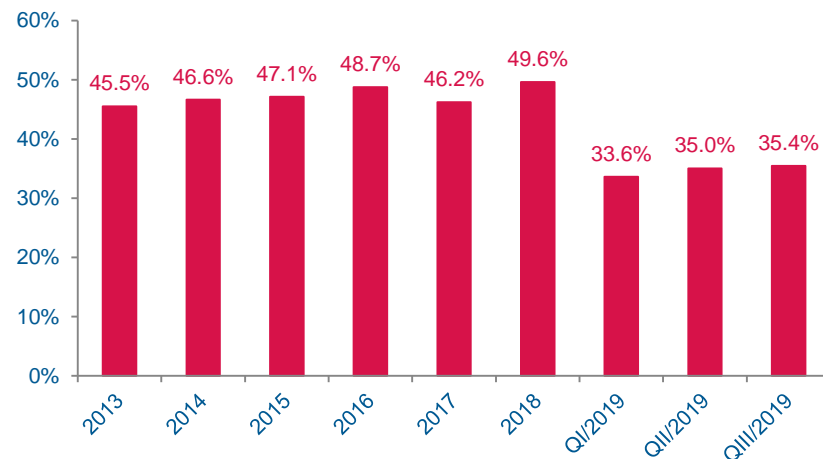
### Các khoản thu nhập hoạt động



### Các chỉ số tài chính



### Tỷ lệ Chi phí/Thu nhập



## 6. Phụ lục

- ❖ Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu
- ❖ Hoạt động hiệu quả của các công ty con
- ❖ Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG
- ❖ Bảng cân đối kế toán
- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ❖ Website Quan hệ Nhà đầu tư









## 6. Phụ lục

### Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu

	<p><b>1. HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT (LẦN THỨ 2) VÀ CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ</b></p> <p>Nhân kỷ niệm 30 năm xây dựng và phát triển, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng VietinBank Huân chương Lao động hạng Nhất (lần thứ 2) và Cờ thi đua của Chính phủ. Đây là sự ghi nhận và biểu dương những thành tích, nỗ lực vượt bậc và đóng góp quan trọng của VietinBank trong suốt 30 năm qua.</p>
	<p><b>2. TOP 400 THƯƠNG HIỆU GIÁ TRỊ NHẤT THẾ GIỚI</b></p> <p>Với vị trí 242 trong Bảng xếp hạng toàn cầu của Brand Finance, năm 2019, VietinBank là ngân hàng Việt Nam đầu tiên lọt vào Top 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới và là lần thứ 7 VietinBank lọt vào Top 500 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới. Giá trị Thương hiệu của VietinBank cũng tăng 64% - tương ứng với 625 triệu USD và Sức mạnh Thương hiệu xếp hạng AA+, tăng 68 bậc so với năm 2018. Cú thăng hạng ngoạn mục đã đưa VietinBank tiếp tục nằm trong Top 10 các ngân hàng tăng hạng mạnh nhất (xếp thứ 8) và đứng thứ 8 trong Top 10 ngân hàng có giá trị thương hiệu tăng cao nhất trên thế giới.</p>
	<p><b>3. TOP 2.000 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT THẾ GIỚI</b></p> <p>Lần thứ 8 liên tiếp VietinBank lọt vào danh sách Top 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới do Tạp chí uy tín Forbes của Mỹ công bố. Forbes xác định VietinBank đạt doanh thu 3,7 tỷ USD và tài sản đạt 50,2 tỷ USD.</p>
	<p><b>4. THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM</b></p> <p>Lần thứ 5 liên tiếp VietinBank là doanh nghiệp có sản phẩm dịch vụ đạt Thương hiệu quốc gia. Đây là giải thưởng uy tín và cao quý được Thủ tướng Chính phủ giao cho Hội đồng Thương hiệu Quốc gia, Ban Thư ký Thương hiệu Quốc gia phối hợp với Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công Thương) tổ chức.</p>
	<p><b>5. TOP DẪN ĐẦU THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM</b></p> <p>VietinBank lần thứ 15 liên tiếp được trao danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam tại Liên hoan các Doanh nghiệp Rồng Vàng &amp; Thương hiệu mạnh Việt Nam 2018 - 2019.</p>

## 6. Phụ lục

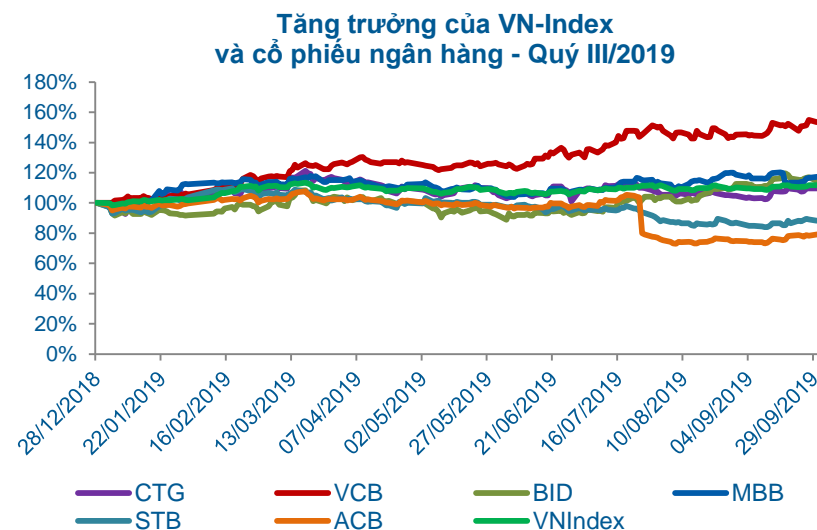
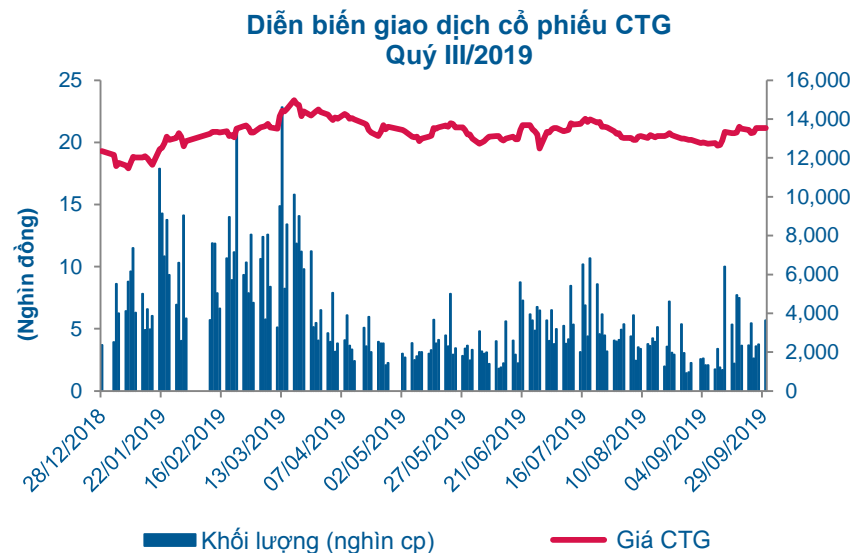
### Hoạt động hiệu quả của các công ty con

Tên công ty		Vốn điều lệ tại ngày 30/09/2019 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank (%)	Lợi nhuận trước thuế lũy kế đến 30/09/2019 (Tỷ đồng)
Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào		1.158	100%	147,07
Công ty Cho thuê tài chính VietinBank		1.000	100%	93,23
Công ty Quản lý quỹ VietinBank		950	100%	6,72
Công ty Chứng khoán VietinBank		1.064,4	75,61%	78,27
Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm VietinBank		500	73,37%	86,19
Công ty Kinh doanh vàng bạc đá quý VietinBank		200	100%	10,37
Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản VietinBank		120	100%	7,09
Công ty Chuyển tiền toàn cầu VietinBank		50	100%	33,10

## 6. Phụ lục

### Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG - Quý III/2019

Chỉ tiêu	Giá trị
Giá phiên giao dịch đầu QIII/2019 (01/07/2019)	19.000 đồng/cp
Giá phiên giao dịch cuối QIII/2019 (30/09/2019)	21.150 đồng/cp
Biến động giá trong QIII/2019	19.750 - 21.900 đồng/cp
Khối lượng giao dịch	184.876.674 cp
Giá trị giao dịch	4.546 tỷ đồng
Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	Mua ròng 3.722.820 cp
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	29,94%
EPS	2.444 đồng/cp
P/E (30/09/2019)	8,65x
BVPS	20.110 đồng/cp
P/B (30/09/2019)	1,05x



## 6. Phụ lục

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất

DVT: Tỷ đồng	2015 (kt)	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)	QII/2019	QIII/2019
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5.091	5.187	5.980	7.028	7.557	9.127
Tiền gửi tại NHNN	11.893	13.503	20.756	23.182	31.819	23.707
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	66.019	94.469	107.510	130.512	120.540	124.579
Chứng khoán kinh doanh	3.346	1.895	3.529	3.312	8.176	6.157
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	683	529	281	275	166
Cho vay khách hàng	538.080	661.988	790.688	851.918	885.535	899.056
DPRR cho vay khách hàng	(4.550)	(6.899)	(8.303)	(13.008)	(13.018)	(16.610)
Chứng khoán đầu tư	120.024	134.227	128.393	102.100	93.220	107.800
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.892	3.203	3.114	3.317	3.384	3.364
Tài sản cố định	8.666	10.624	11.437	11.115	10.513	10.246
Tài sản có khác	27.022	29.689	31.427	31.850	35.794	34.617
<b>Tổng tài sản có</b>	<b>779.483</b>	<b>948.568</b>	<b>1.095.061</b>	<b>1.164.435</b>	<b>1.183.796</b>	<b>1.202.210</b>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.227	4.808	15.207	62.600	71.482	73.504
Tiền gửi và vay các TCTD khác	99.169	85.152	115.159	111.400	96.386	93.381
Tiền gửi của khách hàng	492.960	655.060	752.935	825.816	846.860	865.466
Các công cụ TC phái sinh và các khoản nợ TC khác	118	0	0	0	0	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	54.237	6.075	6.364	5.934	5.902	5.817
Phát hành giấy tờ có giá	20.860	23.849	22.502	46.216	59.516	55.116
Các khoản nợ khác	42.802	113.315	119.129	45.013	31.152	34.046
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>723.373</b>	<b>888.261</b>	<b>1.031.296</b>	<b>1.096.979</b>	<b>1.111.299</b>	<b>1.127.331</b>
Vốn của TCTD	46.209	46.209	46.209	46.416	46.729	46.725
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>
Quỹ của TCTD	5.275	6.367	7.476	8.168	8.179	8.178
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	442	480	551	600	768	662
Lợi nhuận chưa phân phối	3.942	6.991	9.234	11.976	16.232	18.752
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>56.110</b>	<b>60.307</b>	<b>63.765</b>	<b>67.456</b>	<b>72.497</b>	<b>74.879</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	242	260	295	296	589	561
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>779.483</b>	<b>948.568</b>	<b>1.095.061</b>	<b>1.164.435</b>	<b>1.183.796</b>	<b>1.202.210</b>



## 6. Phụ lục

### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2015 (kt)	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)	9T2019	9T2018
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	42.472	52.890	65.277	74.176	60.828	55.330
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(23.633)	(30.586)	(38.204)	(51.658)	(11.699)	(33.383)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>18.839</b>	<b>22.304</b>	<b>27.073</b>	<b>22.518</b>	<b>24.507</b>	<b>21.948</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.651	3.334	4.302	5.954	5.503	4.217
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.191)	(1.636)	(2.447)	(3.187)	(2.456)	(2.231)
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>1.460</b>	<b>1.698</b>	<b>1.855</b>	<b>2.768</b>	<b>3.047</b>	<b>1.986</b>
Lãi /lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	20	685	710	710	1.189	540
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	129	184	325	271	312	391
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	53	41	(81)	218	(219)	102
Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	2.202	1.299	1.995	1.878	602	1.328
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	41	150	743	374	511	331
<b>Thu nhập ngoài lãi</b>	<b>3.905</b>	<b>4.057</b>	<b>5.547</b>	<b>6.220</b>	<b>5.442</b>	<b>4.678</b>
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>22.744</b>	<b>26.361</b>	<b>32.620</b>	<b>28.738</b>	<b>29.948</b>	<b>26.625</b>
Chi phí hoạt động	(10.719)	(12.849)	(15.070)	(14.256)	(10.610)	(10.699)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	12.024	13.512	17.550	14.482	19.339	15.926
Chi phí DPRR tín dụng	(4.679)	(5.059)	(8.344)	(7.751)	(10.882)	(8.330)
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>7.345</b>	<b>8.454</b>	<b>9.206</b>	<b>6.730</b>	<b>8.456</b>	<b>7.596</b>
Chi phí thuế TNDN	(1.629)	(1.688)	(1.747)	(1.314)	(1.632)	(1.470)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>5.717</b>	<b>6.765</b>	<b>7.459</b>	<b>5.416</b>	<b>6.825</b>	<b>6.126</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(19)	(20)	(27)	(2)	(18)	(18)
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	5.698	6.745	7.432	5.414	6.806	6.108

## 6. Phụ lục

# Website Quan hệ Nhà đầu tư

<http://investor.vietinbank.vn>



The screenshot shows the investor website of VietinBank. The header includes the VietinBank logo and the tagline "Nâng giá trị cuộc sống". Below the header is a navigation bar with links: TRANG CHỦ, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP, NHÀ ĐẦU TƯ, KẾT NỐI THƯƠNG MẠI, GIỚI THIỆU, TUYỂN DỤNG, and LIÊN HỆ. The main content area features a large banner with the text "Nhà đầu tư & VietinBank" and a description of the website's purpose. Below the banner are three circular icons representing the bank's mission, vision, and core values. On the right side, there is a sidebar titled "CHUYÊN TRANG NHÀ ĐẦU TƯ" with a list of links: Tổng quan, Sự mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Thông điệp từ Chủ tịch, Giới thiệu VietinBank, Xếp hạng tín nhiệm, and Giải thưởng. At the bottom right, there is a box showing the CTG (Credit Rating) of 20.800, with a change of +0.10 (0.48%) and a box showing the stock price of 840.410 with a change of (-48.85%).

*Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:*

**Ban Thư ký HĐQT và Quan hệ cổ đông**  
**Văn phòng HĐQT**  
**Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam**  
Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.  
Email: [investor@vietinbank.vn](mailto:investor@vietinbank.vn)  
Tel: 84.24.39413622

# Trân trọng cảm ơn!

## **Tuyên bố trách nhiệm:**

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.